

Số:56/2018/QĐST- HNGĐ

Kim Động, ngày 10 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 62/2018/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1993.

Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

Nơi ở: Thôn C, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Trần Đức T, sinh năm 1992.

Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Trần Đức M, sinh ngày 14/01/2013.

+ Cháu Trần Khánh L, sinh ngày 04/5/2017.

Người đại diện cho hai cháu M, L là chị Lê Thị T, sinh năm 1993.

Đều ĐKKHKT: Thôn C, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 5 năm 2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: : Chị Lê Thị T, sinh năm 1993; Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên; Nơi ở: Thôn C, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên và anh Trần Đức T, sinh năm 1992; Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Trần Đức T tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh T có hai con chung là cháu Trần Đức M, sinh ngày 14/01/2013 và cháu Trần Khánh L, sinh ngày 04/5/2017. Chị T và anh T thỏa thuận, chị T sẽ tiếp tục nuôi cháu L, anh T sẽ tiếp tục nuôi cháu M cho đến khi các cháu M, L đủ 18 tuổi và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị T và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị T tự nguyện chịu cả 150.000đ án phí STLH, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 007364 ngày 06/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động.

Hoàn trả chị T 150.000đ số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 007364 ngày 06/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV &THA Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Oanh